

Bản án số: 12/2023/HS - PT.

Ngày 03 - 4 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Vinh.

Các Thẩm phán: Ông Ma Ngọc Trung và ông Nguyễn Đức Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Q tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Tuyết Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Q xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 03/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo Bàn Văn Q và Đặng Văn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 86/2022/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Q.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bàn Văn Q, sinh ngày 27/02/1996, tại tỉnh Tuyên Q;

Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Q; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn L và bà Đặng Thị D; có vợ là Đặng Thị T và 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Đặng Văn T; sinh ngày 14/9/1995, tại tỉnh Tuyên Q.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Q; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn N và bà Đặng Thị C; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt tại phiên tòa.*

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Hoàng Văn Vũ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Q, *có mặt*

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2021 (không xác định thời gian cụ thể), do muốn sửa lại nhà nên bị cáo Đặng Văn T gọi điện thoại cho bị cáo Bàn Văn Q thuê bị cáo Q xẻ hai cột gỗ đường kính gốc cột 22cm, ngọn 20cm, dài 6m để làm nhà sàn giá mỗi cột 800.000đ, bị cáo Q đồng ý. Khoảng một tuần sau (không xác định thời gian cụ thể), bị cáo Q một mình mang theo máy cưa xăng, 01 can xăng 5 lít, dũa, dây thừng bắt mực đi lên lô 20, khoảnh 13, khu vực rừng Nà Chang thuộc thôn C, xã Y, huyện H để tìm cây gỗ cắt đổ và xẻ thành cột bán cho bị cáo T. Trong 02 ngày bị cáo Q cắt đổ 01 cây Nhãn rừng, khối lượng $1,890m^3$ và xẻ được 02 cột, bị cáo Q gọi điện báo cho bị cáo T biết vị trí để 02 cột, bị cáo T nhờ Đặng Văn Đồn; Lý Văn Phôn; Lý Văn Khải và Lý Văn Út là người cùng thôn giúp vận chuyển 02 cây cột có khối lượng $0,722m^3$ về nhà (những người vận chuyển giúp đều không biết bị cáo T và bị cáo Q khai thác gỗ trái phép).

Khoảng một tuần sau (không xác định thời gian cụ thể), bị cáo Đặng Văn T tiếp tục gọi điện cho bị cáo Bàn Văn Q thuê bị cáo Q khai thác 12 cột gỗ tại rừng đặc dụng Cham Chu để làm nhà, bị cáo Q đồng ý. Bị cáo Q một mình mang theo dụng cụ khai thác gỗ đi lên lô 08 và lô 16, khoảnh 13 khu vực rừng Nà Chang, thuộc thôn C, xã Y, huyện H để chặt cây cắt xẻ gỗ làm cột nhà cho T. Trong 10 ngày bị cáo Q đã khai thác 08 cây gỗ Kháo có tổng khối lượng là $12,656m^3$ (trong đó có 01 cây Kháo đã bị người khác cắt đổ từ trước có khối lượng $4,503m^3$, bị cáo Q xẻ ngọn của cây Kháo đó, khối lượng $0,612m^3$) và xẻ các cây gỗ trên thành 11 cột. Do chưa xẻ đủ cột cho bị cáo T nên bị cáo Q xẻ thêm 01 cột từ 01 cây Nhãn rừng tại lô 16, khoảnh 13 mà bị cáo Q đã cắt đổ từ năm 2019, khối lượng $2,188m^3$. Sau khi xẻ xong 11 cột, bị cáo Q chỉ vị trí khai thác cho bị cáo T biết nhưng bị cáo T chưa đi lấy ngay nên số cột gỗ vẫn ở vị trí khai thác; bị cáo T đã trả cho bị cáo Q số tiền là 8.000.000đ và còn nợ lại bị cáo Q 3.200.000đ.

Tổng khối lượng gỗ bị cáo Bàn Văn Q khai thác là 10 cây gỗ, khối lượng là $16,734m^3$ (08 cây Kháo, 02 cây Nhãn rừng, trong đó 01 cây Kháo do người khác cắt đổ từ trước, 01 cây Nhãn rừng bị cáo Q cắt đổ từ năm 2019), xẻ được 13 cột, đã trừ phần gỗ còn lại của cây Kháo bị người khác chặt hạ từ trước, bị cáo Q không khai thác).

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 05/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H xác định: Khu vực Bàn Văn Q khai thác 08 cây gỗ kháo (Gỗ thuộc danh mục thực vật rừng T thường, nhóm VI) và 02 cây nhãn rừng (Gỗ thuộc danh mục thực vật rừng T thường, nhóm V) thuộc lô 08, lô 16 và lô 20, khoảnh 13 khu vực rừng Nà Chang (rừng đặc dụng là rừng tự nhiên) thuộc thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Q.

Tại kết luận định giá tài sản số: 32/KL-HĐĐGTS, ngày 05/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: $4,078m^3$ gỗ Nhãn rừng (gỗ tròn) trị giá: 10.887.000đ; $16,547m^3$ gỗ Kháo (gỗ tròn) trị giá: 39.140.900đ. Tổng giá trị tài sản là 50.027.900 đồng.

Bị cáo Bàn Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự về phần gỗ khai thác là $16,734m^3$; bị cáo Đặng Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về khối lượng gỗ thuê

Bàn Văn Q khai thác (trừ cây nhãn rừng mà Q đã cắt đổ từ năm 2019 khối lượng 2,188m³) là 14,546m³. Tổng giá trị tài sản thiệt hại do hành vi của bị cáo Bàn Văn Q và bị cáo Đặng Văn T gây ra là 40.591.500 đồng (đã trừ giá trị phần cây gỗ khảo bị cắt từ trước bị cáo Bàn Văn Q không khai thác).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2022/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Q đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bàn Văn Q, Đặng Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Áp dụng: Điểm e khoản 3 Điều 232; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Bàn Văn Q 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08 tháng 12 năm 2022, bị cáo Bàn Văn Q, Đặng Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thay đổi nội dung đơn kháng cáo, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ trong hạn luật định; thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự tố tụng.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Q 05 năm tù; bị cáo T 04 năm 6 tháng tù là đúng người, đúng tội tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bàn Văn Q và Đặng Văn T xuất trình đơn xin giảm nhẹ hình phạt, văn bản đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo của Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra các bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự (bị cáo Q nộp thêm 1.000.000 đồng tiền thu lời bất chính) nên cần xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Q căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị cáo sửa bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt như sau: Căn cứ điểm e khoản 3 Điều 232; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 54, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Bàn Văn Q 03 năm 06 tháng tù. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận bị cáo Bàn Văn Q đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng tiền thu lời

bất chính; Bị cáo Đặng Văn T đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trợ giúp viên pháp lý trình bày: Nhất trí với tội danh, điều luật, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn; chưa có tiền án tiền sự; trước khi phạm tội luôn chấp hành chấp hành tốt các chủ chương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương; sau khi phạm tội rất ăn năn, hối cải về hành vi vi phạm của mình; được chính quyền địa phương làm văn bản đề nghị giảm hình phạt và cho được cải tạo tại địa phương, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và trình bày lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo nội dung kháng cáo của các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, trợ giúp viên pháp lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Bàn Văn Q và bị cáo Đặng Văn T được làm trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bàn Văn Q, Đặng Văn T tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; kết luận định giá, lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 10/2021 (không xác định được thời gian cụ thể), tại khu vực lô 8, lô 16, lô 20 khoảnh 13 khu rừng đặc dụng tự nhiên Nà Chang, thuộc thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Q, bị cáo Đặng Văn T đã có hành vi thuê bị cáo Bàn Văn Q khai thác trái phép 14,546m³ gỗ (trong đó 01 cây gỗ Nhãn rừng thuộc danh mục thực vật rừng T thường, nhóm V tại lô 20, khoảnh 13 có khối lượng 1,890m³ và 08 cây gỗ Kháo thuộc danh mục thực vật rừng T thường, nhóm VI tại lô 8, lô 16 khoảnh 13 có khối lượng 12,656m³). Ngoài ra năm 2019 (không xác định được thời gian cụ thể) bị cáo Bàn Văn Q còn có hành vi khai thác trái phép 01 cây Nhãn rừng thuộc danh mục thực vật rừng T thường, nhóm V tại lô 16, khoảnh 13, khu rừng đặc dụng tự nhiên Nà Chang, thuộc thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Q có khối lượng 2,188m³. Như vậy, khối lượng gỗ khai thác trái phép bị cáo Bàn Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự là 16,734m³; khối lượng gỗ khai thác trái phép bị cáo Đặng Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự là 14,546m³. Tổng giá trị tài sản thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra là 40.591.500đ (Bốn mươi triệu năm trăm chín một nghìn năm trăm đồng).

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm các quy định của nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, vì vậy bản án hình sự sơ thẩm số 86/2022/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Q đã tuyên bố các bị cáo Bàn Văn Q, Đặng Văn T phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản* là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Bàn Văn Q và Đặng Văn T thay đổi nội dung kháng cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, đồng thời xuất trình văn bản của Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo (là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự); sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, riêng bị cáo Bàn Văn Q nộp thêm 1.000.000 đồng tiền thu lời bất chính theo quyết định của bản án sơ thẩm (tuy đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng cũng thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo). Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; sau khi phạm tội rất ăn năn, hối cải về hành vi vi phạm của mình; được Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú có văn bản đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Do vậy cần sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và Trợ giúp viên pháp lý.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận các bị cáo đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm; ghi nhận bị cáo Bàn Văn Q đã nộp 1.000.000đ tiền truy thu để sung quỹ Nhà nước.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bàn Văn Q, Đặng Văn T. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 86/2022/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Q phần quyết định về hình phạt như sau:

- Căn cứ điểm e khoản 3 Điều 232; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 54, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Văn Q **03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T **03** (ba) năm tù về tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về án phí: Các bị cáo Bàn Văn Q, Đặng Văn T không phải chịu phí hình sự phúc thẩm.

3. Ghi nhận bị cáo Bàn Văn Q đã nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) tiền thu lời bất chính để sung quỹ Nhà nước (tại biên lai số AA/2021/ 0002126 lập ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang). Bị cáo Bàn Văn Q đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm và còn phải nộp 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tiền thu lời bất chính để sung quỹ nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Đặng Văn T đã nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm (tại biên lai số AA/2021/ 0002127 lập ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang). Bị cáo Đặng Văn T đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/4/2023)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Q;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Q;
- TAND huyện H;
- VKSND huyện H;
- CQCSĐT Công an huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tuấn Vinh

